

Bản án số: **10/KDTM- ST**
Ngày 19 tháng 6 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng xây
dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Minh**

Ông Nguyễn Việt Anh

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Hải Minh

Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai – thành phố Hà Nội

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phương - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại đã thụ lý số 32/2022/KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc: *Tranh chấp hợp đồng xây dựng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16 ngày 21 tháng 3 năm 2023, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 18/5/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 27 ngày 18 tháng 5 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15 ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Công ty A**; Trụ sở: Số 150, phường T, quận Đ, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H – Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quang K- Văn phòng luật sư K và cộng sự (Theo Giấy ủy quyền số 56 ngày 01/8/2022(có mặt tại phiên tòa.)

- **Bị đơn: Công ty M**; Trụ sở: lô D6 khu ĐTM Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm

tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn D1 – chức vụ: phó tổng giám đốc(theo giấy ủy quyền ngày 21/3/2023)(có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện, được bổ sung bởi các Bản tự khai, Biên bản hoà giải và các lời khai, nguyên đơn công ty cổ phần A trình bày như sau:

Công ty cổ phần **cổ phần thương mại xây dựng** A đã ký hợp đồng số AV-ML26319 ngày 26/03/2019 với **Công ty M** về việc cung cấp và thi công tủ bếp hoàn thiện tại dự án khu đô thị thương mại dịch vụ nhà ở- chung cư tại Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

Tổng giá trị hợp đồng kinh tế là 2.682.940.016 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty A đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Tuy nhiên, đến nay Công ty M mới chỉ thanh toán cho Công ty A tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng.

Sau khi đối chiếu với biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành, Công ty M còn nợ Công ty A số tiền là 1.282.940.016 đồng.

Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Công ty M thanh toán tiền nhưng không được phản hồi.

Vì vậy, công ty cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải thanh toán ngay khoản nợ cụ thể: tiền gốc: 1.282.940.016 đồng; Tiền lãi chậm thanh toán, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 312.791.321đồng.

Ngoài ra, phía nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng trên.

2. Bị đơn là Công ty M trình bày: Bị đơn xác nhận có ký hợp đồng trên với nguyên đơn, không có ý kiến về chất lượng công trình. Do khó khăn nên bị đơn xin trả dần gốc trong 03 năm. Bị đơn không đồng ý trả lãi do hợp đồng không có thỏa thuận.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là 1.282.940.016 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án tính ngày đầu tiên chậm thanh toán là ngày: 01/02/2021 (là thời gian hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và thời hạn bảo hành 12 tháng). Nguyên đơn không chấp nhận đề nghị trả dần nợ gốc trong thời gian 3 năm của bị đơn.

Bị đơn trình bày: giữ nguyên lời khai đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Vụ án được giải quyết trong hạn luật định. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện, tham gia đầy đủ các buổi làm việc với Tòa án thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015. Bị đơn cũng thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS 2015.

+ Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – **Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:** đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cung cấp thiết bị thi công lắp đặt cho công trình xây dựng giữa pháp nhân với pháp nhân có đăng ký kinh doanh nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại điều 138, 139, 140 Luật xây dựng 2014. Do thời điểm Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý vụ án, bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận Hoàng Mai nên căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[2]- **Về tố tụng:** về thời hiệu khởi kiện: hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đợt cuối cùng vào ngày 17/12/2019 và thời gian bảo hành cho công trình là 12 tháng. Căn cứ luật xây dựng năm 2014, khoản 3 điều 45 nghị định 37/2015 hướng dẫn chi tiết về hợp đồng xây dựng; điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng là 03 năm. Vì vậy, vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[2]- **Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

* Về yêu cầu đòi nợ gốc:

Yêu cầu Công ty M phải trả cho Công ty A số tiền: 1.282.940.016 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng kinh tế số AV- ML26319 ngày 26/03/2019 giữa Công ty A với Công ty M ký kết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hình thức và nội dung của hợp đồng không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Các bên cũng không có yêu cầu nào khác phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, bảng xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành, các hóa đơn giá trị gia tăng.... các lời khai tại phiên tòa, phiên hòa giải giữa Công ty A với Công ty M đủ cơ sở xác định Công ty M còn nợ của Công ty TSP số tiền là: 1.282.940.016 đồng.

Do Công ty M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên giữa Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty M phải trả số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phần lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc: Trong nội dung hợp đồng kinh tế số: AV- ML26319 ngày 26/03/2019, các bên không thỏa thuận về việc chịu lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc. Do đó yêu cầu này của nguyên đơn phải xét trên cơ sở các quy định của pháp luật điều chỉnh hợp đồng tại thời điểm hai bên đã giao kết. Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng là năm 2019 thì Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào điều 43 Nghị định 37/2015 ngày 22/4/2015 về hướng dẫn chi tiết về hợp đồng xây dựng có quy định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng như sau :” ***Trường hợp, bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.***

Do vậy, ngày đầu tiên Công ty M chậm thanh toán được tính là ngày 01/02/2021. Theo các thông báo của Ngân hàng TMCP T - chi nhánh Đông Hà Nội thì mức lãi suất cho vay dành cho khách hàng là doanh nghiệp qua các thời kỳ năm 2021, 2022 là 11%/ năm, năm 2023 là 12%/ năm; lãi suất quá hạn đối với nợ gốc bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Do nguyên đơn đề nghị Tòa án chỉ áp dụng mức lãi suất là 11% chung cho các thời kỳ để tính lãi với phần nợ gốc chưa thanh toán, xét thấy đề nghị này có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do vậy, tính từ thời điểm ngày 01/02/2021 đến ngày xét xử là ngày

19/6/2023, tiền lãi được tính như sau: $1.228.940.016 \times 11\%/01 \text{ năm} \times 0,91\%/ \text{ tháng} \times 0,03\%/ \text{ ngày} \times 02 \text{ năm} \times 04 \text{ tháng} \times 19 \text{ ngày} = 322.100.000 \text{ đồng}$ (làm tròn)

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Do các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Phía bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn theo quy định.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, 35, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ điều 138, 139, 140, 146 Luật xây dựng năm 2014;
- Căn cứ điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A: buộc Công ty M phải trả cho Công ty A số tiền là: 1.605.040.016 đồng; trong đó nợ gốc theo hợp đồng là : 1.282.940.016 đồng; Nợ lãi do chậm thanh toán là: 322.100.000 đồng.

2. Về án phí: Công ty M phải chịu 60.150.200 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty A số tiền 28.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/50708 ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thủ đô Hà Nội.

Kể từ ngày 20/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, Công ty M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền gốc tại thời điểm chưa thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- Viện kiểm sát ND Q. Hoàng Mai
- Tòa án ND TP. Hà Nội
- Viện kiểm sát NDTP. Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ